

Số: **169** /2014/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách
hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 01/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 116/BC-BPC ngày 08/12/2014 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (*Mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này*)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2014.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khoá XVI - Kỳ họp thứ 13 thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác ĐB – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND - UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng



**Mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 169 /2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi xây dựng đề cương chương trình, các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề.					Áp dụng Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND, ngày 30/9/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang quy định một số mức chi đặc thù thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang
1.1	Xây dựng đề cương chương trình.	Đề cương				
a	Xây dựng đề cương chi tiết Chương trình	Đề cương	900	600		
b	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương của Chương trình		1.200	800		
1.2	Chi các cuộc họp góp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề.					
a	Chủ trì	Người/buổi	150	100		
b	Thành viên dự	Người/buổi	100	50		
2	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác cải cách hành chính.	Văn bản				
2.1	Soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân					Áp dụng Thông tư số 47/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về việc ban hành quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL
a	Nghị quyết mới hoặc thay thế	Văn bản	4.000	3.000	2.000	
b	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Văn bản	3.500	2.500	1.500	
2.2	Quyết định của Ủy ban nhân dân					

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
a	Quyết định mới hoặc thay thế	Văn bản	3.200	2.200	1.200	Áp dụng Thông tư số 47/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về việc ban hành quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL
b	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Văn bản	2.700	1.700	1.000	
2.3	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Văn bản	2.000	1.500	1.000	
2.4	Chi soạn thảo các loại Báo cáo phục vụ công tác xây dựng ban hành văn bản QPPL cho công tác cải cách hành chính					
a	Báo cáo/bản tổng hợp ý kiến đóng góp về dự thảo văn bản	Văn bản	200	150	100	
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp; ý kiến thẩm định, thẩm tra	Văn bản	200	150	100	
c	Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra	Văn bản	300	200	150	
3	Chi nghiên cứu các đề tài khoa học phục vụ công tác cải cách hành chính; chi xây dựng các chuyên đề của các Đề án, Dự án về cải cách hành chính; chi các hội thảo khoa học, diễn đàn khoa học về cải cách hành chính.					
3.1	Xây dựng đề cương, đề tài, chuyên đề.	Đề cương, đề tài, chuyên đề	1.200	700		Bảng mức quy định tại Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các Đề tài, Dự án Khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh
3.2	Lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát.					
a	Mẫu phiếu đến 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	500	400		
b	Mẫu phiếu trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	900	700		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
c	Mẫu phiếu trên 40 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	1.200	1.000		Bảng mức quy định tại Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các Đề tài, Dự án Khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh
3.3	Chi cho người cung cấp thông tin khảo sát.					
	Đối với tổ chức:					
a	Mẫu phiếu đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	60	60		
b	Mẫu phiếu trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	70	70		
c	Mẫu phiếu trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	90	90		
	Đối với cá nhân:					
a	Mẫu phiếu đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	30	30		
b	Mẫu phiếu trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	40	40		
c	Mẫu phiếu trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	50	50		
3.4	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra.	Báo cáo	4.000	2.500		
3.5	Báo cáo khoa học tổng kết dự thảo đề tài, đề án về cải cách hành chính (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt).	Báo cáo	12.000	10.000		Bảng mức quy định tại Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các Đề tài, Dự án Khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh
3.6	Hội thảo khoa học phục vụ nghiên cứu, thẩm định, công bố đề tài, đề án về cải cách hành chính.					
a	Chủ trì Hội thảo khoa học	Người/buổi	200	150		
b	Thư ký Hội thảo	Người/buổi	100	80		
c	Đại biểu tham dự Hội thảo	Người/buổi	70	50		
d	Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng	Báo cáo	500	300		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
3.7	Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực tổ chức triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính (Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020)					Áp dụng Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác Cải cách hành chính nhà nước
a	Chi công tác tuyên truyền, công tác thanh kiểm tra, chi cho cơ quan thường trực về Cải cách hành chính					
b	Chi Xây dựng, ban hành và hướng dẫn việc triển khai thực hiện bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh					Áp dụng Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác Cải cách hành chính nhà nước
c	Chủ trì việc xây dựng và hướng dẫn biện pháp đo lường sự hài lòng của tổ chức cá nhân đối với dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện					Áp dụng Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác Cải cách hành chính nhà nước
4	Chi tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác cải cách hành chính; chi tổ chức các lớp tập huấn					

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
4.1	Chi thù lao giảng viên (<i>một buổi giảng được tính 5 tiết học</i>)					Áp dụng mức chi tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
a	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương.	Người/ buổi		1.000		
b	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư, chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học.	Người/ buổi		800		
c	Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; giảng viên chính.	Người/ buổi		600		
d	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (<i>ngoài 3 đối tượng ở điểm a, b, c nêu trên</i>)	Người/ buổi		500		
đ	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương trở xuống.	Người/ buổi		300		Áp dụng mức chi tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
4.2	Chi biên soạn giáo trình					
a	Viết giáo trình	Trang chuẩn	70	Thực hiện mức chi bằng 70% của cấp tỉnh	Vận dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 hướng dẫn mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi cấp địa phương và cấp quốc gia.	
b	Sửa chữa và biên tập tổng thể	Trang chuẩn	25			
c	Chi thẩm định nhận xét	Trang chuẩn	35			
d	Chi chỉnh sửa, bổ sung chương trình khung, chương trình môn học, giáo trình	Trang chuẩn	Tối đa 30% mức chi tại điểm a,b,c mục 4.2	Thực hiện mức chi bằng 70% của cấp tỉnh		
5	Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và xử lý dữ liệu thống kê về cải cách hành chính; điều tra, khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức về cải cách hành chính.					Áp dụng mức chi tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.
5.1	Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra					Thực hiện theo Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang
5.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra					
a	Đối với cá nhân					
-	Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu		20		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
-	Trên 30 đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	30			Áp dụng mức chi tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê
-	Trên 40 chỉ tiêu:	Phiếu	40			
b	<i>Đối với tổ chức:</i>					
-	Dưới 30 chỉ tiêu	Phiếu	40			
-	Trên 30 đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	50			
-	Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	70			
5.3	Chi viết báo cáo kết quả điều tra.					
a	Báo cáo phân tích theo chuyên đề	Báo cáo	4.000	3.000	2.000	
b	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra	Báo cáo	5.000	4.000	3.000	
6	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm về cải cách hành chính.					Thực hiện theo Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang
7	Chi thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.					
7.1	Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về cải cách hành chính					Áp dụng Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND, ngày 30/9/2014 của HĐND tỉnh Hà Giang quy định một số mức chi đặc thù thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
7.2	Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông về cải cách hành chính					Áp dụng mức chi tại Quyết định số 2549/2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của UBND tỉnh Hà Giang quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng Quỹ nhuận bút đối với tác phẩm báo chí, phát thanh, truyền hình; Công thông tin điện tử tỉnh, Trang thôn
7.3	Chi xây dựng, duy trì thường xuyên các chuyên mục về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi xây dựng, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, website cải cách hành chính; chi thiết kế băng rôn, pa nô, khẩu hiệu để tuyên truyền về cải cách hành chính.					Đối với chi tạo lập thông tin điện tử áp dụng theo mức chi tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước
8	Chi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện về cải cách hành chính, các đoàn đi công tác trong nước triển khai các công việc liên quan đến cải cách hành chính; chi cho các đoàn đi công tác khảo sát, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính					
8.1	Các đoàn đi trong nước					Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
8.2	Các đoàn đi nước ngoài					Áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí
9	Chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài tư vấn về cải cách hành chính.					Áp dụng Nghị quyết số 87/2013/NQ-HĐND ngày 26/4/2013 của HĐND tỉnh Hà Giang quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh
10	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông	Người/tháng			0,2 mức lương cơ sở	Áp dụng Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước
11	Chi mua các ấn phẩm, sách báo, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu về cải cách hành chính.					
12	Chi dịch tài liệu.					
12.1	Dịch từ tiếng (Anh, Nga, Pháp, Trung quốc, Nhật) sang tiếng việt hoặc tiếng EU sang tiếng việt	Trang chuẩn (tối đa 350 từ)	90	70	50	Áp dụng Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/1/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam
12.2	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông	Trang chuẩn (tối đa 350 từ)	Mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch mục 12.1			
12.3	Thuê dịch nói thông thường	Giờ/người	Tối đa 150			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
12.4	Thuê dịch duôi, dịch đồng thời	Giờ/ người	Tối đa 400			Áp dụng Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/1/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam
13	Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động cải cách hành chính.					Áp dụng quy định của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
14	Một số khoản chi khác phục vụ công tác cải cách hành chính					Áp dụng Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước
14.1	Chi làm thêm giờ					Áp dụng mức chi tại Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về V/v hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
14.2	Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.					Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành
14.3	Một số khoản chi khác.					Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng thi hành.